TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BV- TP. HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **06/2019**/QĐST-DS	*Ba Vì, ngày 22 tháng 03 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 14 tháng 03 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết tòa bộ vụ án dân sự thụ lý số 63/2018/TLST-DS, ngày 18/12/2018

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần VNTV

Địa chỉ: Số 89 LH - phường LH - quận ĐĐ- TP Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A - Chức vụ Phó GĐTTPLNH SME và cá nhân.

Ông Nguyễn Tuấn A ủy quyền cho ông Lại Phú Việt A1 - Cán bộ xử lý nợ *(theo giấy ủy quyền số 3183/2018/UQ-VPB ngày 09/11/2018)*

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N2 - sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn CQ 3 - xã CM - huyện BV- TP. Hà Nội.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Danh H - sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn CQ 3 - xã CM - huyện BV - TP. Hà Nội.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Chị Nguyễn Thị N2 phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần VNTV tổng số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số

LD1634000769 ký ngày 05/12/2016, tính đến ngày 14/03/2019 là: **296.510.540** *(Hai trăm chín mươi sáu triệu, năm trăm mười nghìn, năm trăm bốn mươi đồng)* trong đó tiền gốc là 180.443.904 đồng *(Một trăm tám mươi triệu bốn trăm bốn mươi ba nghìn, chín trăm linh bốn đồng)*, tiền lãi trong hạn và quá hạn là 116.066.636 đồng *(Một trăm mười sáu triệu, không trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm ba mươi sáu đồng)*. Và tổng số tiền còn nợ theo Hợp đồng thẻ tín dụng số 115-P-538302 ký ngày 18/04/2017 tính đến 14/03/2019 là 92.751.103 đồng *(Chín mươi hai triệu, bảy trăm năm mươi mốt nghìn một trăm linh ba đồng)*, trong đó nợ gốc là 68.879.216 đ *(Sáu mươi tám triệu, tám trăm bảy mươi chín nghìn, hai trăm mười sáu đồng)*, nợ lãi trong hạn và quá hạn là 23.871.887đ *(Hai mươi ba triệu, tám trăm bảy mươi mốt nghìn, tám trăm tám mươi bảy đồng)*. Tổng cộng số tiền mà chị Nguyễn Thị N2 phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần VNTV theo hai hợp đồng trên tính đến ngày 14/03/2019 là **389.261.643** đồng *(Ba trăm tám mươi chín triệu, hai trăm sáu mươi mốt nghìn, sáu trăm bốn mươi ba đồng)*, trong đó tiền gốc là 249.232.123 đ *(Hai trăm bốn mươi chín triệu, hai trăm ba mươi hai nghìn, một trăm hai mươi ba đồng)*, tiền lãi là 139.938.523đ *(Một trăm ba mươi chín triệu, chín trăm ba mươi tám nghìn, năm trăm hai mươi ba đồng)*.

Ngân hàng thương mại cổ phần VNTV chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị N2 thanh toán các khoản nợ trên cho Ngân hàng vì khi ký hợp đồng Ngân hàng chỉ ký với bà N2, chồng bà N2 là ông Nguyễn Danh H không biết gì về việc hai bên ký hợp đồng.

* Chị Nguyễn Thị N2 phải tiếp tục chịu lãi phát sinh đối với khoản tiền gốc kể từ ngày 15/03/2019 theo lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số LD1634000769 ký ngày 05/12/2016 và Hợp đồng thẻ tín dụng số 115-P-538302 ký ngày 18/04/2017 cho đến khi bà Nguyễn Thị N2 thanh toán xong các khoản nợ.

***Về án phí:**

Chị Nguyễn Thị N2 tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 9.731.541đ *(Chín triệu bảy trăm ba mươi mốt nghìn, năm trăm bốn mươi mốt đồng)*.

Hoàn trả lại Ngân hàng thương mại cổ phần VNTV số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.700.000 đ *(Bảy triệu bảy trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm

ứng án phí, lệ phí số 0008997 ngày 18/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện BV - TP Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hà Nội
- VKSND huyện BV
-Chi cục THADS huyện BV
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Dung